

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 24-01-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mai Khanh;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn L A, sinh năm 1986 tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú tại: ấp Cống Queo, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Á và bà Lưu Thị Ú; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07 đến ngày 16 tháng 5 năm 2021; ngày 17 tháng 5 năm 2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

2. Nguyễn C Đ, sinh năm 1973 tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú tại: ấp Long Thọ, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí C và bà Trần Thị L; tiền án: không; tiền sự: ngày 04 tháng 3 năm 2021, bị Công an xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây mất trật tự công cộng; bị

cáo bị tạm giữ ngày 07 tháng 5 năm 2021 đến ngày 16 tháng 5 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Thuận Thiên K L; địa chỉ: C4/27A, Quốc lộ 1A, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của bị hại: ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1985; nơi cư trú: căn số 63-619, KDC An Sinh, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương là người đại diện ủy quyền của bị hại (văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 5 năm 2021), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2021, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là sắt phế liệu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thuận Thiên K L đang thi công công trình tại Công ty TNHH Top Glove Việt Nam đem bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định A thỏa thuận với Đ (đang là bảo vệ của Công ty) để cho A vào lấy sắt phế liệu đem bán lấy tiền rồi chia nhau tiêu xài, Đ đồng ý. Đến khoảng 09 giờ 21 phút cùng ngày, A kêu người đàn ông mua phế liệu (không rõ lai lịch) điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-051.09 vào trong khu vực đang thi công công trình của Công ty TNHH Top Glove Việt Nam, A lén lút lấy 620kg sắt phế liệu để lên thùng xe ô tô tải. A bán 620kg sắt phế liệu cho người đàn ông mua phế liệu được 2.500.000 đồng. Sau khi bán được 2.500.000 đồng tiền sắt đã lấy trộm thì A chia cho Đ 500.000 đồng.

Khoảng 21 giờ 54 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2021, A tiếp tục thỏa thuận với Đ để cho A vào Công ty lấy sắt phế liệu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thuận Thiên K L đem bán lấy tiền rồi chia cho Đ, thì Đ đồng ý. Sau đó, A kêu người đàn ông mua phế liệu (không rõ lai lịch) điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-051.09 vào trong khu vực đang thi công công trình của Công ty TNHH Top Glove Việt Nam, A lén lút lấy 760kg sắt phế liệu để lên thùng xe ô tô tải biển số 51C-051.09. A bán 760kg sắt phế liệu cho người đàn ông mua phế liệu được 3.200.000 đồng. Sau đó, A chia cho Đ 500.000 đồng.

Đến ngày 22 tháng 4 năm 2021, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thuận Thiên K L phát hiện có người vào công trình lấy trộm tài sản nên báo Đồn Công an Khu công nghiệp Bàu Bàng. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Nguyễn L A khai: Người đàn ông mua phế liệu (không rõ lai lịch) điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-051.09 mua sắt phế liệu của A không biết sắt phế liệu do A phạm tội mà có. A bán sắt phế liệu trộm cắp được tổng số tiền 5.700.000 đồng, sau khi chia số tiền 1.000.000 đồng cho Đ, A thu lợi bất chính số tiền 4.700.000 đồng. Nguyễn C Đ khai: Sau khi A bán sắt đã lấy trộm

của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thuận Thiên K L thì A đưa cho Đ 600.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 15 và 16 ngày 12 tháng 5 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng, kết luận: 620kg sắt phế liệu trị giá 4.340.000 đồng, 760kg sắt phế liệu trị giá 5.320.000 đồng.

Đối với xe ô tô hiệu HYUNDAI màu xanh biển số: 51C – 051.09 do Đinh Thị Hồng Nhung; nơi cư trú: khu phố 1, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, không truy tìm được Đinh Thị Hồng Nhung nên không có cơ sở xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu Nguyễn L A và Nguyễn C Đ bồi thường thiệt hại số tiền 219.543.055 đồng nhưng Nguyễn L A và Nguyễn C Đ không có khả năng bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSBB ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ; xử phạt bị cáo Nguyễn L A từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn C Đ từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo buộc bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 219.543.055 đồng.

Bị cáo Nguyễn L A đồng ý bồi thường số tiền mà bị hại yêu cầu là 219.543.055 đồng và yêu cầu được trả dần không có khả năng trả một lần. Bị cáo Nguyễn C Đ thừa nhận số tiền bị cáo A chia là 1.000.000 đồng và đồng ý cùng bị cáo A bồi thường số tiền mà bị hại yêu cầu là 219.543.055 đồng và yêu cầu được trả dần.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo A nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội lo cho vợ con.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo chỉ nghe lời người khác và vi phạm pháp luật, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2021 tại Công ty TNHH Top Glove Việt Nam thuộc thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, bị cáo A lén lút vào trong khu vực đang thi công công trình của Công ty TNHH Top Glove Việt Nam, bị cáo A lén lút lấy 620kg sắt phế liệu. Khoảng 21 giờ 54 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2021, tại Công ty TNHH Top Glove Việt Nam thuộc thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, A lén lút vào lấy 760kg sắt phế liệu. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 9.660.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với nội dung Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Như vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, đủ để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nên Hội đồng xét xử phân tích vai trò, hành vi của từng bị cáo để đưa ra mức án phù hợp cho từng bị cáo: Bị cáo A là chủ mưu vừa là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ nghe bị cáo A rủ trộm cắp tài sản là đồng ý làm nơ để bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo Đ là người giúp sức nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[6] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ bồi thường số tiền 219.543.055 đồng, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền bị hại yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo, buộc các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 219.543.055 đồng.

[8] Đối với người đàn ông mua phế liệu và bà Đinh Thị Hồng Nhung chủ xe ô tô hiệu HUYNHDAI màu xanh biển số 51C – 051.09 hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch, khi nào xác định rõ sẽ giải quyết sau.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ;

Căn cứ các Điều 99, 292 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn L A và bị cáo Nguyễn C Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn L A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07 tháng 5 năm 2021 đến ngày 16 tháng 5 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07 tháng 5 năm 2021 đến ngày 16 tháng 5 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Thuận Thiên K L số tiền 219.543.055 (hai trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn L A và Nguyễn C Đ cùng phải chịu 10.977.152 (mười triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm năm mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa